TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hươn.

2.Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2019/TLST – HNGĐ ngày 20/6/2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 09/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Th, sinh năm 1976.
Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
Hiện tạm trú tại: tổ A, ấp B, xã TA, huyện LT, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thanh T, sinh năm 1976.
Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.
Hiện tạm trú tại: tổ A, ấp B, xã TA, huyện LT, Đồng Nai.

Bà Th có mặt; ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, bà Trương Thị Th trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Võ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Võ Thị Nhã P, sinh ngày 20/02/1992; Võ Thị Bảo Y, sinh ngày 03/10/1997; Võ Thị Bảo Tr, sinh ngày

08/6/1998. Các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn, ông Võ Thanh T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trương Thị Th tự nguyện chung sống từ năm 1991, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không đến mức phải ly hôn. Do đó, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Võ Thị Nhã P, sinh ngày 20/02/1992; Võ Thị Bảo Y, sinh ngày 03/10/1997; Võ Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/6/1998. Các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Th, ông T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn nên không được xác định là hôn nhân hợp pháp. Khi có yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án không công nhận bà Trương Thị Th và ông Võ Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Võ Thị Nhã P, sinh ngày 20/02/1992; Võ Thị Bảo Y, sinh ngày 03/10/1997; Võ Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/6/1998. Các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Ngày 10/6/2019, bà Trương Thị Th có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Võ Thanh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn".

- Thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Thanh T là bị đơn trong vụ án hiện đang tạm trú tại xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Th và ông Võ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của bà Th và ông T đã vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

Bà Th và ông T sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không được pháp luật thừa nhận. Nay, bà Th có đơn xin ly hôn, Tòa án không công nhận bà Trương Thị Th và ông Võ Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Võ Thị Nhã P, sinh ngày 20/02/1992; Võ Thị Bảo Y, sinh ngày 03/10/1997; Võ Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/6/1998.

Các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: bà Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; Điều 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Trương Thị Th và ông Võ Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: có 03 con chung tên Võ Thị Nhã P, sinh ngày 20/02/1992; Võ Thị Bảo Y, sinh ngày 03/10/1997; Võ Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/6/1998.

Các cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: bà Th phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0005135 ngày 18/6/2019.

Bà Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung